TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY-TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trọng Giáp

Ông Đặng Minh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiển – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sùng A V, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Mùa Thị N, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-6-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Sùng A V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mùa Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 29-5-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn K,

xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái, tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị Mùa Thị N không muốn tiếp tục chung sống cùng với anh. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Mùa Thị N không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho anh được ly hôn chị Mùa Thị N.

Về con chung: Anh và chị Mùa Thị N có 02 con chung là cháu Sùng B, sinh ngày 04-12-2010 và cháu Sùng H, sinh ngày 20-7-2013. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, anh không yêu cầu chị Nhà cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn nguyện vọng, các cháu Sùng B, Sùng H đều có nguyện vọng được ở với anh Sùng A V

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Mùa Thị N nhưng chị Mùa Thị N không đến Tòa án. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị Mùa Thị N, Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng A V được ly hôn chị Mùa Thị N.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Sùng B, sinh ngày 04-12-2010 và cháu Sùng H, sinh ngày 20-7-2013 cho anh Sùng A V trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị Mùa Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Sùng A V không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng* :

Bị đơn chị Mùa Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Sùng A V thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Sùng A V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Mùa Thị N đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Sùng A V và chị Mùa Thị N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 29-5-2013 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Theo anh Vàng, tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Mua Thị Nhà không muốn sống cùng với anh nữa và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng chị Mùa Thị N không đến Tòa án, không có bản khai, như vậy chị Nhà đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của bản thân. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa anh Sùng A V và chị Mùa Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho anh Sùng A V được ly hôn chị Mùa Thị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Sùng A V và chị Mùa Thị N có 02 con chung là cháu Sùng B, sinh ngày 04-12-2010 và cháu Sùng H, sinh ngày 20-7-2013. Ly hôn, anh Vàng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu. Xét thấy, hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng anh Sùng A V, các cháu vẫn được anh Sùng A V cho đi học đầy đủ và đều có nguyện vọng được ở với anh; mặt khác chị Mùa Thị N không có lời khai thể hiện ý chí về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về mọi mặt của con chung, cần giao cả hai cháu cho anh Sùng A V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sùng A V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Anh Sùng A V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Sùng A V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng A V được ly hôn chị Mùa Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng B, sinh ngày 04-12-2010 và cháu Sùng H, sinh ngày 20-7-2013 cho anh Sùng A V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, chị Mùa Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Sùng A V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000441 ngày 27-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận anh Vàng đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Duy